

Bản án số: **36/2023/KDTM-ST**

Ngày: 19-4-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng dịch vụ
bảo vệ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Phúc.

Bà Nghiêm Thị Xuân Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 229/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ bảo vệ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 707/2023/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1606/2023/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N

Địa chỉ trụ sở: Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thuỳ T, sinh năm 1993 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); địa chỉ: Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh., là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2023).

Bị đơn: Công ty Cổ phần T2 (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1957 (Vắng mặt); địa chỉ: Ấp Suối Cát 2, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo pháp luật.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27 tháng 3 năm 2017, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N và bị đơn Công ty Cổ phần T2 có ký kết Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số: 186/HĐBV/2017, cụ thể: Khu vực yêu cầu bảo vệ: Toà nhà X, địa chỉ: Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn hợp đồng tối thiểu là 01 năm kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2017. Từ ngày 27 tháng 3 năm 2017 đến nay, hai bên đã thực hiện đúng và đầy đủ theo yêu cầu hợp đồng.

Vào ngày 24 tháng 01 năm 2020, nguyên đơn đã xuất hoá đơn số 0000723 cho bị đơn nhưng bị đơn không thanh toán. Đến ngày 09 tháng 3 năm 2020, nguyên đơn liên hệ trực tiếp bị đơn và nhận được 14.000.000 đồng, bị đơn hứa sẽ thanh toán số tiền còn lại là 9.237.500 đồng.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn đã xuất hoá đơn số 0000742 cho bị đơn nhưng bị đơn không thanh toán phí dịch vụ tháng 02 là 23.237.500 đồng.

Đến ngày 11 tháng 3 năm 2020, bị đơn có dấu hiệu vi phạm hợp đồng, cắt hợp đồng không đúng quy định và không thông báo cho bị đơn, các khoản phí đã nợ cũng không thanh toán, vì vậy, nguyên đơn chưa xuất hoá đơn tháng 3 cho bị đơn, phí dịch vụ 10 ngày là 6.815.000 đồng chưa bao gồm thuế VAT.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phí dịch vụ bảo vệ còn thiếu là 39.290.000 đồng.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 39.290.000 đồng.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19 tháng 4 năm 2023:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán phí dịch vụ bảo vệ còn thiếu là 39.290.000 đồng. Nguyên đơn xác định ngoài các yêu cầu khởi kiện nêu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 39.290.000 đồng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có yêu cầu phản tố.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án, sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dịch vụ bảo vệ với bị đơn Công ty Cổ phần T2 có trụ sở tại Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 19 tháng 4 năm 2020 của nguyên đơn uỷ quyền cho bà Lê Thuỳ T thay mặt nguyên đơn tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số: 186/HĐBV/2017 ngày 27 tháng 3 năm 2017, theo đó, nguyên đơn cung cấp dịch vụ bảo vệ cho toà nhà X, địa chỉ: Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; Thời hạn hợp đồng: Tối thiểu là 01 năm kể từ ngày 27 tháng 3 năm 2017; Phí dịch vụ hàng tháng là 21.125.000 đồng/tháng, chưa bao gồm VAT. Các bên chỉ thoả thuận thời hạn tối thiểu của hợp đồng là 01 năm, không thoả thuận thời hạn kết thúc hợp đồng, nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là loại hợp đồng dịch vụ không xác định kỳ hạn. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với Điều 513, Điều 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 74 của Luật Thương mại năm 2005, do đó, hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số: 186/HĐBV/2017 ngày 27 tháng 3 năm 2017 có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo các Điều 515, 516, 517, 518 và 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 78, Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005. Ngày 25 tháng 11 năm 2019, nguyên

đơn và bị đơn ký Phụ lục Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số: 01/HĐBV/2019 tăng thêm vị trí bảo vệ, bắt đầu triển khai từ ngày 25 tháng 11 năm 2019.

[5] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn, tuy nhiên, bị đơn thanh toán không đầy đủ trong các tháng 01, 02 và 03 năm 2020, cụ thể:

[6] Tháng 01 năm 2020, nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT số 0000723 ngày 24 tháng 01 năm 2020 cho bị đơn, nguyên đơn xác định đã được bị đơn thanh toán trực tiếp số tiền 14.000.000 đồng, bị đơn còn nợ 9.237.500 đồng. Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nguyên đơn đã nhận được 14.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn thừa nhận sự việc nêu trên là có thật, lời trình bày của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Tháng 02 năm 2020, nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT số 0000742 ngày 24 tháng 02 năm 2020 cho bị đơn với số tiền 23.237.500 đồng (đã bao gồm VAT). Tháng 03 năm 2020, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp dịch vụ bảo vệ cho bị đơn trong 10 ngày, theo đó, đến ngày 11 tháng 3 năm 2020, hai bên ký biên bản bàn giao lại toàn bộ tài sản tại toà nhà Số 85 Nguyễn Hữu Cầu, phường Tân Định, Quận 1 cho bị đơn theo Biên bản bàn giao ngày 11 tháng 3 năm 2020 do nguyên đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn phí dịch vụ tháng 02 năm 2020 là 23.237.500 đồng và phí dịch vụ 10 ngày của tháng 03 năm 2020 là: $(21.125.000 \text{ đồng} : 30 \text{ ngày}) \times 10 \text{ ngày} = 7.041.666 \text{ đồng}$. Đối với tháng 03 năm 2020, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán 6.815.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Tổng cộng số tiền bị đơn còn nợ: $9.237.500 \text{ đồng} + 23.237.500 \text{ đồng} + 6.815.000 \text{ đồng} = 39.290.000 \text{ đồng}$.

[9] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán phí dịch vụ bảo vệ còn nợ các tháng 01, 02 và 03 năm 2020 là 39.290.000 đồng.

[10] Căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005, nguyên đơn có quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 19 tháng 4 năm 2023 đối với số tiền 39.290.000 đồng là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa,

nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 là có cơ sở.

[13] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 513, 514, 515, 516, 517, 518 và 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 74, 78, 85 của Luật thương mại năm 2005; Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần T2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N tổng số tiền dịch vụ bảo vệ còn nợ các tháng 01, 02 và 03 năm 2020 là 39.290.000 đồng (Ba mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn) đồng, theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số: 186/HĐBV/2017 ngày 27 tháng 3 năm 2017; Phụ lục Hợp đồng dịch vụ bảo vệ số: 01/HĐBV/2019 ngày 25 tháng 11 năm 2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N về việc không yêu cầu Công ty Cổ phần T2 thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 19 tháng 4 năm 2023 đối với số tiền 39.290.000 đồng.

3. Về án phí: Công ty Cổ phần T2 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0029130 ngày 22 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Kim Huệ

